

Bản án số: **271/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/7/2023

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Thành Chúng**

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 06, ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 06, ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tranh tụng tại Tòa án, Ông **Nguyễn Văn N** trình bày:

Hôn nhân giữa ông N và bà T là do mai mối được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức đám cưới vào năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào năm 2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, không tìm được tiếng nói chung. Bà T không cho ông quản lý tài sản chung, đất đai trong nhà đều do vợ đứng tên. Ông và bà T đã không sống chung với nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Quyên, sinh ngày 10/3/2000 và Nguyễn Thị Kim Cương, sinh ngày 03/1/2004; đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà thống nhất với ông N về thời gian tiến đến hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Trong suốt quá trình chung sống bà và ông N không có phát sinh mâu thuẫn gì với nhau, vợ chồng vẫn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau nuôi dạy con chung. Ông N hiện vẫn đang làm công nhân tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để có tiền lo cho con Nguyễn Thị Kim Cương đang học tại trường Đại học An Giang. Ông N xin bà cho đi làm thêm tại Châu Phú rồi nay về đòi ly hôn. Về tài sản đất cát là của mẹ cho nên bà đứng tên riêng. Nhận thấy đời sống vợ chồng vẫn rất hạnh phúc, bà vẫn còn tình cảm với ông N nên không đồng ý ly hôn.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Theo Biên bản xác minh ngày 15/6/2023 tại Ban ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang thể hiện bà T hiện có mặt tại địa phương ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc và ông N đi làm ở Long An không còn sống chung với bà T khoảng 5 tháng nay.

Tại phiên tòa ông N bảo lưu ý kiến và kiên quyết xin ly hôn với bà T.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông

Do không xem xét, giải quyết về hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa ông N và bà T là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của ông N được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Ông N cho rằng ông và bà T chung sống không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, không tìm được tiếng nói chung nên yêu cầu được ly hôn. Tuy nhiên bà T cho rằng giữa bà và ông N không có mâu thuẫn gì với nhau, vợ chồng vẫn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau nuôi dạy con chung nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông N và bà T mới phát sinh, ông N nộp đơn xin ly hôn nhưng ông không cung cấp được tài liệu hoặc chứng cứ nào khác về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng ngoài lời trình bày của mình. Trong khi đó, bà T không đồng ý ly hôn, vợ chồng không mâu thuẫn trầm trọng như ông N trình bày, thể hiện qua kết quả xác minh tại ban ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc.

Do đó, không có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông N, bà T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà T.

[3] Về con chung: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N nên không đặt ra xem xét việc nuôi dưỡng con chung theo ý kiến của ông N, bà T .

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Về việc xin ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008284 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Ông N đã nộp đủ.

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/7/2023), ông N, bà T được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Phong Phi